

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
QUẬN C
THÀNH PHỐ CẦN THƠ**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 47/2024/DSST
Ngày: 14-5-2024
V/v: “T/c đòi nợ theo hợp đồng
vay tài sản và hợp đồng góp hụi”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN C**

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông **Bùi Trung Hiến**

Các Hội thẩm nhân dân: Bà **Trần Ngọc Sáng**

Bà Lê Thị Tuyết Mai

- *Thư ký phiên tòa:* Bà **Nguyễn Thị Hoài Anh** - Thư ký Tòa án nhân dân quận C.

- *Đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận C tham gia phiên tòa:* Ông **Lê Văn Quốc** - Kiểm sát viên.

Trong ngày 10 và ngày 14 tháng 5 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân quận C, thành phố Cần Thơ xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 39/2024/TLST - DS ngày 29 tháng 01 năm 2024 về việc “*Tranh chấp đòi nợ theo hợp đồng vay tài sản – Hợp đồng góp hụi*”. Theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 90/2024/QĐXX - ST ngày 26 tháng 3 năm 2024 và Quyết định hoãn phiên tòa số 74/2024/QĐ-ST ngày 16 tháng 4 năm 2024, giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Bà Huỳnh Thị Thu T, sinh năm: 1976. Địa chỉ: số 04, khu vực T, phường T, quận C, thành phố Cần Thơ.

Đại diện ủy quyền là ông Nguyễn Minh Thi, sinh năm 1985; ông Phan Thành Múc, sinh năm 1999. Văn bản ủy quyền ngày 28/11/2023. **Có mặt.**

Cùng địa chỉ: Số 234/32 Hoàng Quốc Việt, Khu vực 4, phường E, quận T, thành phố Cần Thơ.

Bị đơn: Bà Bùi Thị L, sinh năm: 1978. Địa chỉ: Số 07, khu vực Phú Khánh, phường T, quận C, thành phố Cần Thơ. **Vắng mặt.**

NỘI DUNG VỤ ÁN:

* Theo đơn khởi kiện ngày 27 tháng 11 năm 2023, đơn khởi kiện bổ sung ngày 29 tháng 11 năm 2023 và trong quá trình giải quyết vụ kiện đại diện theo ủy

quyền của nguyên đơn trình bày và yêu cầu:

Nguyên trước đây, do nguyên đơn bà Huỳnh Thị Thu T có quen biết với bị đơn bà Bùi Thị L nên bà Bùi Thị L đã nhiều lần hỏi mượn tiền của bà Huỳnh Thị Thu T qua các lần cụ thể như sau:

Lần 1 vào ngày 12/7/2021 mượn: 100.000.000đồng, thời gian mượn 01 tháng trả lại tiền và thỏa thuận miệng lãi suất 2%/tháng. Tiền lãi khởi kiện yêu cầu trả là 1,6%/tháng tính từ ngày 12/7/2021 đến ngày 17/11/2023 là 29 tháng: $(100.000.000\text{đồng} \times 1,6\%/tháng) \times 29\text{ tháng} = 46.400.000\text{đ}$.

- Lần 2 vào ngày 12/10/2021 mượn: 100.000.000đồng, thời gian mượn 01 tháng trả lại tiền và thỏa thuận miệng lãi suất 2%/tháng. Tiền lãi khởi kiện yêu cầu trả là 1,6%/tháng tính từ ngày 12/10/2021 đến ngày 17/11/2023 là 26 tháng: $(100.000.000\text{đồng} \times 1,6\%/tháng) \times 26\text{ tháng} = 41.600.000\text{đ}$.

- Lần 3 vào ngày 17/11/2021 mượn: 50.000.000đồng, thời gian mượn 01 tháng trả lại tiền và thỏa thuận miệng lãi suất 2%/tháng. Tiền lãi khởi kiện yêu cầu trả là 1,6%/tháng tính từ ngày 17/12/2021 đến ngày 17/11/2023 là 24 tháng: $(50.000.000\text{đồng} \times 1,6\%/tháng) \times 24\text{ tháng} = 19.200.000\text{đ}$.

- Lần 4 vào ngày 04/01/2022 mượn: 100.000.000đồng, thời gian mượn 01 tháng trả lại tiền và thỏa thuận miệng lãi suất 2%/tháng. Tiền lãi khởi kiện yêu cầu trả là 1,6%/tháng tính từ ngày 04/01/2022 đến ngày 17/11/2023 là 23 tháng: $(100.000.000\text{đồng} \times 1,6\%/tháng) \times 23\text{ tháng} = 36.800.000\text{đ}$.

- Lần 5 vào ngày 14/02/2022 mượn: 500.000.000đồng, thời gian mượn 01 tháng trả lại tiền và thỏa thuận miệng lãi suất 2%/tháng. Đến ngày 09/12/2022 bà L có trả cho bà T số tiền nợ 100.000.000 đồng trên số tiền nợ 500.000.000 đồng mà bà L đã mượn của bà T. Tiền lãi khởi kiện yêu cầu trả là 1,6%/tháng tính từ ngày 09/12/2022 đến ngày 17/11/2023 là 11 tháng: $(400.000.000\text{đồng} \times 1,6\%/tháng) \times 11\text{ tháng} = 70.400.000\text{đ}$.

Ngoài ra, bà T còn có tham gia chơi hội và đã đóng tiền cho bà L (chủ hội) cụ thể như sau:

1/. Tiền hội mua: Trong đây hội 5.000.000đ mở ngày 25/11/2021 (âm lịch) gồm 17 thành viên hình thức khui hội 01 tháng kêu hội 1 lần.

- Bà L (chủ hội) có liên hệ với bà T nhờ mua 01 chân hội của một hội viên (chỉ nghe bà L gọi tên Tới có biệt danh: Tới bán đồ mũ nhưng bà T không gặp mặt) trong đây hội 5.000.000đ nêu trên. Bà L (chủ hội) nói với bà T là ông Tới muốn hốt hội, nhưng trong tháng đó đã khui và có người khác hốt hội nên ông Tới không hốt được nữa.

Được sự cam kết và chịu trách nhiệm của bà L (chủ hội) nên bà T đồng ý mua 01 chân hội với giá 55.000.000đ (Năm mươi lăm triệu đồng). Cùng ngày bà L có hỏi mượn bà T thêm số tiền 100.000.000đ (Một trăm triệu đồng) nên bà T đã gộp lại và chuyển tiền bằng chuyển khoản qua ngân hàng cho bà L số tiền 155.000.000đ (Trong đó, hội mua 55.000.000đ + tiền mượn 100.000.000đ) vào ngày 28 tháng 01 năm 2022 (thể hiện trong sao kê ngân hàng).

Sau đó, nếu ai khai hội thì bà L trả số tiền chênh lệch và đến mãn dây hội sẽ nhận lại 55.000.000đ (ví dụ: Hội khai ngày 25/02/2022: Dây hội 5.000.000 1.500.000đ của 01 hội viên kêu cao hơn các hội viên khác thì được hốt và các hội viên còn sống sẽ đóng 3.500.000đ. Do bà T mua hội, nên bà L phải trả lại cho bà T số tiền chênh lệch là 1.500.000đ trong tháng đó)

Tiền lãi khởi kiện yêu cầu trả lãi là 0,8%/tháng tính từ ngày 28/2/2022 đến ngày 17/11/2023 là 22 tháng: $(155.000.000 \text{ đồng} \times 0,8\%/\text{tháng}) \times 22 \text{ tháng} = 27.280.000\text{đ}$.

2/. Tiền mua hội Tuần: Dây hội tuần giá 500.000 đồng/tuần, mở ngày 17/6/2022 âm lịch, gồm 65 hội viên, khoảng 05 tuần bà L sẽ đi gom hội một lần. Bà T tham gia 02 chân, bà T hốt hội chót và đóng tiền hội được 60 lần đến ngày 25/9/2023 là 44.460.000 đồng vì do đến ngày mǎng dây hội trên thì bà L không đến gom hội và giao cho bà T, bà T đã liên hệ bà L rất nhiều lần nhưng không liên hệ được.

Tiền lãi khởi kiện yêu cầu trả là 0,8%/tháng tính từ ngày 02/10/2023 đến ngày 17/11/2023 là 01 tháng: $(44.460.000 \text{ đồng} \times 0,8\%/\text{tháng}) \times 4 \text{ tháng} = 355.680 \text{ đồng}$.

3/. Tiền mua hội tháng. Dây hội tháng giá 2.000.000đ/tháng, mở ngày 30/2/2023 âm lịch, gồm 24 hội viên, tham gia 01 chân, đóng tiền hội được 7 lần đến ngày 30/8/2023 là 10.100.000 đồng. Dây hội trên chưa mǎng, do bà L không tiếp tục gom hội nên bà T không thể đóng hội tiếp cho bà L được.

Tiền lãi khởi kiện yêu cầu trả là 0,8%/tháng tính từ ngày 17/11/2023 là 4 tháng: $(10.100.000 \text{ đồng} \times 0,8\%/\text{tháng}) \times 4 \text{ tháng} = 323.200 \text{ đồng}$. Sau khi biết được bà L tuyên bố bê hội. bà T có nhiều lần liên hệ với bà L để yêu cầu bà L trả tiền hội và trả tiền mượn cho bà T nhưng bà L cố tình tránh né, không có thái độ hợp tác và chặn liên lạc với bà T.

Ngày 19/3/2024 bị đơn bà Bùi Thị L có trả cho nguyên đơn bà Huỳnh Thị Thu T số tiền 2.000.000 đồng bằng hình thức chuyển khoản.

Vì vậy, nguyên đơn khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn cụ thể như sau:

Yêu cầu Tòa án giải quyết buộc: Bị đơn Bà Bùi Thị L phải có trách nhiệm hoàn trả cho bà Huỳnh Thị Thu T các khoản tiền:

- Tiền mượn là: 850.000.000 đồng (Tám trăm năm mươi triệu đồng).
- Tiền hui mua: 55.000.000đ (Năm mươi lăm triệu đồng).
- Tiền hui tháng: 10.100.000đ (Mười triệu một trăm nghìn đồng).
- Tiền hui tuần: 44.460.000đ (Bốn mươi bốn triệu bốn trăm sáu mươi nghìn

Tổng cộng số tiền bà Bùi Thị L phải có nghĩa vụ trả là 959.560.000đ (Chín trăm năm mươi chín triệu, năm trăm sáu mươi nghìn đồng) và tiền lãi 242.358.880đ (Hai trăm bốn mươi hai triệu ba trăm năm mươi tám nghìn tám trăm tám mươi đồng).

Đồng thời, phải trả lãi suất 0,8%/tháng các khoản tiền trên theo quy định của pháp luật cho đến khi trả xong.

** Bị đơn Bùi Thị L vắng mặt trong suốt quá trình giải quyết vụ án.*

Do vụ án không hòa giải được nên đưa ra xét xử.

Tại phiên toà, đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện đối với bị đơn, yêu cầu bị đơn trả số tiền vay, tiền hui cụ thể như sau: Tổng tiền nợ vay và tiền hui: 750.000.000 đồng + 209.560.000 đồng) – 2.000.000 đồng (tiền chuyển khoản) = 957.560.000 đồng. Tổng tiền lãi nợ vay và nợ hui là: 277.600.000 đồng + 35.375.400 đồng = 312.975.400 đồng . Bị đơn tiếp tục vắng mặt.

**** Đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận C phát biểu quan điểm:***

Về tố tụng: Thẩm phán, Thư ký và Hội đồng xét xử thực hiện đúng trình tự, thủ tục tố tụng theo qui định của pháp luật. Người tham gia tố tụng đối với đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn thực hiện đúng quyền và nghĩa vụ của mình. Đối với bị đơn vắng mặt các lần hòa giải, xét xử nên Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt bị đơn là phù hợp theo qui định tại điểm b khoản 2 Điều 227 và Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự.

Về nội dung: Trên cơ sở xem xét chứng cứ và trình bày của đương sự, có đủ căn cứ đề nghị chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, buộc bị đơn trả nợ vay, nợ hui và lãi suất theo qui định cho nguyên đơn là phù hợp và bị đơn phải chịu án phí.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, ý kiến của Kiểm sát viên, Hội đồng xét xử nhận định.

[1] Về thẩm quyền: Căn cứ theo đơn khởi kiện của nguyên đơn, xác định đây là quan hệ “*Tranh chấp đòi nợ theo hợp đồng vay tài sản và hợp đồng góp hui*” được quy định tại khoản 3 Điều 26 Bộ luật Tố tụng dân sự. Bị đơn có địa chỉ tại quận C nên thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án và thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân quận C theo Điều 35, Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

[2] Về thủ tục tố tụng: Bị đơn Bùi Thị L vắng mặt trong suốt quá trình giải quyết vụ án. Tòa án đã tiến hành xác minh địa chỉ bị đơn. Kết quả xác minh ngày 26/12/2023 thì bị đơn Nguyễn Thị L có đăng ký và sinh sống tại số 07, khu vực Phú Khánh, phường T, quận C, thành phố Cần Thơ (BL16). Bị đơn – Bùi Thị L đã được triệu tập hợp lệ tham gia phiên tòa 02 lần nhưng đương sự đều vắng mặt không lý do nên Hội đồng xét xử quyết định tiến hành xét xử vụ án vắng mặt bị đơn theo quy định tại điểm b khoản 2 Điều 227 và Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[3] Xét yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn:

3.1 Đối với yêu cầu trả tiền nợ vay và nợ hui của nguyên đơn: Căn cứ vào các chứng cứ có trong hồ sơ thể hiện nguyên đơn có cho bị đơn vay tiền cụ thể như sau: Lần 1: Ngày 12/7/2021 nguyên đơn cho bị đơn vay số tiền 100.000.000 đồng, thời gian vay 01 tháng và thỏa thuận lãi suất 2%/tháng; Lần 2: ngày 12/10/2021 nguyên đơn cho bị đơn vay số tiền 100.000.000 đồng, thời gian mượn 01 tháng trả và lãi suất thỏa thuận miệng là 2%/tháng; Lần 3: Ngày 17/11/2021 nguyên đơn cho bị đơn mượn số tiền 50.000.000 đồng, thời gian mượn 01 tháng trả và lãi suất thỏa thuận miệng là 2%/ tháng; Lần 4: Ngày 04/01/2022 nguyên đơn cho bị đơn mượn 100.000.000 đồng, thời gian mượn 01 tháng, lãi suất thỏa thuận miệng là 2%/ tháng; Lần 5 vào ngày 14/02/2022 nguyên đơn cho bị đơn mượn 500.000.000 đồng, mượn 01 tháng trả, lãi suất thỏa thuận miệng là 2%/tháng. Ngày 09/12/2022 bị đơn trả cho nguyên đơn số tiền 100.000.000 đồng. Bị đơn còn nợ lại nguyên đơn số tiền 400.000.000 đồng. Tổng số tiền qua 05 lần mà nguyên đơn cho bị đơn vay cụ thể là: 100.000.000 đồng + 100.000.000 đồng + 50.000.000 đồng + 100.000.000 đồng + 400.000.000 đồng = 750.000.000 đồng. (1).

Ngoài ra, vào ngày 25/11/2021 (âm lịch) nguyên đơn có chuyển khoản cho bị đơn số tiền 155.000.000 đồng; trong đó tiền mua hui là 55.000.000 đồng và tiền

cho bị đơn mượn là 100.000.000 đồng. Nguyên đơn còn tham gia chơi hội tuần và hội tháng do bị đơn làm chủ cụ thể: Dây hội tuần giá 500.000 đồng/tuần, mở ngày 17/6/2022 âm lịch, gồm 65 hội viên, nguyên đơn tham gia 02 chân, đóng được 60 lần đến ngày 25/9/2023 là 44.460.000 đồng. Dây hội tháng: Dây hội tháng 2.000.000 đồng/tháng, mở ngày 30/02/2023 âm lịch, gồm 24 hội viên, tham gia 01 chân, đóng được 7 lần đến ngày 30/8/2023 là 10.100.000 đồng. Đến nay, các dây hội mà nguyên đơn đã mua và tham gia chơi do bị đơn làm chủ đã không còn do mất hoặc do bị đơn bẻ hội. Vì vậy, nguyên đơn yêu cầu bị đơn trả lại tổng số tiền: 155.000.000 đồng + 44.460.000 đồng + 10.100.000 đồng = 209.560.000 đồng. (2)

Ngày 19/3/2024 bị đơn bà Bùi Thị L có trả cho nguyên đơn bà Huỳnh Thị Thu T số tiền 2.000.000 đồng bằng hình thức chuyển khoản.

Như vậy, tổng số tiền mà bị đơn cần phải trả cho nguyên đơn là 750.000.000 đồng (1) + 209.560.000 đồng (2) – 2.000.000 đồng (tiền bị đơn chuyển khoản) = 957.560.000 đồng (3).

Quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã tiến hành tổng đạt, niêm yết các thông báo cho bị đơn để quyết vụ án nhưng bị đơn vẫn không đến cho nên được xem là từ bỏ quyền tranh tụng của mình. Hội đồng xét xử sẽ giải quyết vụ án dựa trên trình bày của nguyên đơn và các tài liệu, chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án. Căn cứ vào giấy mượn tiền, sổ ghi hội, phiếu chuyển khoản và các tài liệu khác thể hiện nguyên đơn có cho bị đơn vay tiền và có tham gia chơi hội. Tuy nhiên, sau khi vay tiền từ nguyên đơn thì bị đơn không đóng lãi, không trả nợ gốc như cam kết, các dây hội mà nguyên đơn đã mua thông qua bị đơn và tham gia chơi đều mất hoặc bẻ. Nguyên đơn đã nhiều lần yêu cầu bị đơn trả gốc, lãi nhưng bị đơn đều cố tình trốn tránh nghĩa vụ trả nợ. Tại phiên tòa hôm nay, bị đơn đã được Tòa án triệu tập hợp lệ để tham gia xét xử nhưng bị đơn vẫn cố tình không đến điều này cho thấy bị đơn không có thiện ý trả nợ và cố tình kéo dài thời gian. Từ những căn cứ trên thấy rằng yêu cầu khởi kiện đòi lại số nợ gốc tiền vay và nợ hội của nguyên đơn với số tiền 957.560.000 đồng là có cơ sở chấp nhận.

3.2 Xét yêu cầu tính lãi đối với lãi nợ vay và nợ hội: Đối với yêu cầu tính lãi đối với các khoản vay thì tại phiên tòa đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn yêu cầu tính lãi theo mức 1.6%/tháng và yêu cầu tính lãi chậm trả đối với các khoản tiền hội là 0.8%/tháng. Đối chiếu với qui định của pháp luật Hội đồng xét xử nhận thấy yêu cầu tính lãi đối với nợ vay và nợ hội của nguyên đơn đối với bị đơn là không trái với qui định và có căn cứ chấp nhận cụ thể như sau:

- Đối với yêu cầu tính lãi nợ vay:

+ Lần 1: Tính lãi từ ngày 12/7/2021 đến ngày 10/5/2024 = 02 năm 09 tháng 28 ngày x số tiền gốc 100.000.000 đồng x 1.6%/tháng = 54.293.000 đồng.

+ Lần 2: Tính lãi từ ngày 12/10/2021 đến ngày 10/5/2024 = 02 năm 06 tháng 28 ngày x số tiền gốc 100.000.000 đồng x 1.6%/tháng = 49.493.000 đồng

+ Lần 3: Tính lãi từ ngày 17/11/2021 đến ngày 10/5/2024 = 02 năm 05 tháng 23 ngày x số tiền gốc là 50.000.000 đồng x 1.6%/tháng = 23.813.000 đồng

+ Lần 4: Tính lãi từ ngày 04/01/2022 đến ngày 10/5/2024 = 02 năm 04 tháng 06 ngày x số tiền gốc là 100.000.000 đồng x 1.6%/tháng = 45.120.000 đồng

+ Lần 5: Tính lãi từ ngày 09/12/2022 đến ngày 10/5/2024 = 01 năm 05 tháng 01 ngày x số tiền gốc 400.000.000 đồng x 1.6%/tháng = 109.013.000 đồng.

- Đối với yêu cầu tính lãi tiền nợ hui: Do các dây hui mà bị đơn làm chủ hoặc đã bán cho nguyên đơn nay đã mất hoặc không tiếp tục thực hiện nữa. Do đó, nguyên đơn yêu cầu bị đơn trả lãi chậm trả đối với các dây hui với mức lãi suất 0.8%/tháng cụ thể như sau:

+ Dây hui mua ngày 28/01/2022: Tính lãi từ ngày 28/02/2022 đến ngày 10/5/2024 = 02 năm 02 tháng 12 ngày x 155.000.000 đồng (số tiền mua hui 55.000.000 đồng + số tiền mượn 100.000.000 đồng) x 0.8%/tháng = 32.736.000 đồng.

+ Dây hui tuần khai ngày 17/6/2022 âm lịch: Tính lãi từ ngày 02/10/2023 đến ngày 10/5/2024 = 07 tháng 08 ngày x 44.460.0000 đồng x 0.8%/tháng = 2.584.000 đồng.

+ Dây hui tháng khai ngày 30/02/2023 âm lịch: Tính lãi từ ngày 30/8/2023 đến ngày 10/5/2024 = 08 tháng 10 ngày x 10.100.000 đồng x 0.8%/tháng = 673.000 đồng.

Như vậy, tổng số tiền lãi mà bị đơn phải trả cho nguyên đơn là 317.725.000 đồng.

Từ những phân tích trên Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn. Buộc bị đơn trả cho nguyên đơn tổng số tiền là 1.275.285.000 đồng; Trong đó tổng nợ gốc là 957.560.000 đồng và tổng nợ lãi là 317.725.000 đồng. Tại giai đoạn thi hành án bị đơn phải chịu lãi suất đối với số tiền chậm thi hành khi nguyên đơn có đơn yêu cầu.

[3] Về án phí Dân sự sơ thẩm: Do yêu cầu của nguyên đơn được chấp nhận nên bị đơn phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo qui định của pháp luật.

Đối với ý kiến của đại diện Viện kiểm sát:

+ Về việc tuân thủ theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử và Thư ký phiên tòa cũng như đương sự là phù hợp với quy định của pháp luật.

+ Về nội dung giải quyết vụ án: Với những phân tích nêu trên về yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn nên đề nghị của Kiểm sát viên về nội dung này là phù hợp.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng:

- Khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 147, Điều 227, Điều 228, Điều 264, Điều 266, Điều 271 và Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

- Điều 357, Điều 440, Điều 463, Điều 466, Điều 468, Điều 470, Điều 471 Bộ luật dân sự;

- Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Huỳnh Thị Thu T.

Buộc bị đơn bà Bùi Thị L trả số tiền vay, nợ hui và lãi tạm tính đến ngày 10/5/2024 cho nguyên đơn bà Huỳnh Thị Thu T với tổng số tiền là 1.275.285.000 đồng (Một tỷ, hai trăm bảy mươi lăm triệu, hai trăm tám mươi lăm nghìn đồng); Trong đó tổng nợ gốc là 957.560.000 đồng (Chín trăm năm mươi bảy triệu, năm trăm sáu mươi nghìn đồng) và tổng nợ lãi là 317.725.000 đồng (Ba trăm mười bảy triệu, bảy trăm hai mươi lăm nghìn đồng).

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành án xong tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án phải chịu khoản tiền lãi của số tiền phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2, Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015.

2. Về án phí: Bị đơn bà Bùi Thị L phải chịu 50.258.550 đồng (Năm mươi triệu, hai trăm năm mươi tám nghìn, năm trăm năm mươi đồng) án phí dân sự sơ thẩm tại Chi cục Thi hành án Dân sự quận C, thành phố Cần Thơ. Nguyên đơn bà Huỳnh Thị Thu T được nhận lại số tiền 24.030.000 đồng (Hai mươi bốn triệu, không trăm ba mươi nghìn đồng) tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu tiền số 0003237 ngày 24/01/2024 của Chi cục Thi hành án Dân sự quận C.

3. Quyền kháng cáo: Đương sự được quyền kháng cáo bản án này trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật.

4. Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án, người phải thi hành án có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật thi hành án dân sự. Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận :

- Các đương sự;
- TAND TP. Cần Thơ;
- VKSND Q. C;
- Chi cục THA Q.C;
- Lưu HS.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Bùi Trung Hiến